| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TAM ĐẢO**<br>**TỈNH VĨNH PHÚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 67/2019/HS-ST
Ngày 25 - 12 - 2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Kim Trọng và ông Triệu Ngọc Đĩnh

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

**1**. Phùng Văn Q, sinh năm 1986; ĐKHKTT: Thôn Ng, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn H và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Phan Thị Ch và có 03 con; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo đang bị tạm giam theo Bản án số: 70/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

**2**. Phan Thế Đ, sinh năm 1981; ĐKHKTT: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Đ (đã chết) và bà Phan Thị T; có vợ là Đinh Thị Thu Th và có 01 con; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo đang bị tạm giam theo Bản án số: 70/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

**3.** Phạm Thanh L, sinh năm 1987; ĐKHKTT: Thôn Th, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn L và bà Quản Thị Th; có vợ là Nguyễn Thị Thanh H và có 01 con; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Bản án số: 101/2005/HSST ngày 09/9/2005 Tòa án nhân dân huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 40 (bốn mươi) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số: 09/2008/HSPT ngày 28/01/2008 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 20 (hai mươi) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/8/2019, có mặt.

*Người bị hại:*

1. Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

3. Chị Lương Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 23/7/2019 đến ngày 26/7/2019, Phùng Văn Q, Phan Thế Đ, Phạm Thanh L, thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản (xe mô tô) trên địa bàn huyện Tam Đảo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện, bàn giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Đảo: 01 xe mô tô BKS: 88E1-185.88; 01 đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự. Đối với 01 bộ vam của Phùng Văn Q Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Dương tạm giữ phục vụ điều tra, cụ thể:

**Vụ 1:** Khoảng 09 giờ ngày 23/7/2019, Phùng Văn Q điện thoại rủ Phan Thế Đ trộm cắp xe mô tô, Đ đồng ý, Q cầm bộ vam phá khóa (gồm 01 tay công hình chữ T và 02 đầu vam) đến cổng nhà Đ, Đ điều khiển xe mô tô BKS 88D1-382.34 mượn của chị Đinh Thị Thu Th (vợ Đ) chở Q, đến cầu B, huyện L, Đ đổi lái cho Q. Q điều khiển xe mô tô chở Đ đến nhà anh Đỗ Văn H (bạn Q) ở thôn C, xã H, huyện T chơi nhưng anh H không có nhà, Q và Đ ngồi chơi nói chuyện với người con gái tên gọi là B đang ở nhờ nhà anh H. 14 giờ Q điều khiển xe mô tô BKS 88D1-382.34 chở Đ đến huyện T, 15 giờ đến thôn L, xã H phát hiện 01 chiếc xe mô tô BKS 88F7-9248, nhãn hiệu Detech, kiểu dáng Dream, màu sơn nâu của anh Trịnh Văn T dựng ở ven đường, đối diện cổng gia đình anh T, Q dừng xe lại, Đ đứng cảnh giới, Q đến dùng vam phá khóa mở ổ khóa điện, quay đầu xe điều khiển xe đi, Đ điều khiển xe mô tô BKS 88D1-382.34 theo sau. Q đến nhà anh H bán chiếc xe mô tô BKS 88F7-9248 cho B với giá 1.500.000đ, B trừ 1.000.000đ Q vay, B vay anh H 500.000đ trả cho Q, Q đưa số tiền này cho Đ.

Kết luận định giá tài sản số: 670/KL-HĐĐG ngày 22/10/2019 Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Tam Đảo, kết luận: Giá trị của tài sản (01 xe mô tô BKS: 88F7-9248) là 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Đối với: Người tên gọi là B khi mua không biết nguồn gốc chiếc xe, Cơ quan điều tra không xác minh được tên, tuổi, địa chỉ của B; Anh Đỗ Văn H không biết mục đích vay tiền và việc mua bán xe giữa B và Q; Chị Đinh Thị Thu Th không biết mục đích mượn xe của Đ. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với các đối tượng trên.

Anh Trịnh Văn T yêu cầu bồi thường số tiền 2.200.000đ (trị giá chiếc xe mô tô BKS 88F7-9248). Q đồng ý bồi thường 1.100.000đ, Đ đồng ý bồi thường số tiền 500.000đ (số tiền được hưởng lợi).

**Vụ 2:** Khoảng 16 giờ ngày 23/7/2019, Phùng Văn Q điều khiển xe mô tô BKS 88D1-382.34 chở Phan Thế Đ đến huyện T, mục đích trộm cắp xe mô tô. Đến gần cổng Trường D, phát hiện 01 chiếc xe mô tô BKS 88E1-205.98 của chị Nguyễn Thị Th dựng ở ven đường, Q dừng xe, bảo Đ cảnh giới, Q đến dùng vam phá khóa mở ổ khóa điện, điều khiển về xã H, huyện T, Đ điều khiển xe theo sau. Khi đến đoạn đường vắng người, Q dừng lại mở cốp xe thấy có 250.000đ và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Th, Q giấu vào túi quần và bảo Đ đi về nhà. Đ điều khiển xe mô tô BKS 88D1-382.34 về nhà, Q điều khiển xe mô tô BKS 88E1-205.98 đến thôn C, xã H, huyện T bán cho Phan Văn Th với giá 4.500.000đ, Th đưa cho Q 4.000.000đ, nợ lại 500.000đ. Th điều khiển xe chở Q về thôn Đ, xã B, huyện L, khi đến gần cổng nhà Đ, Q gọi Đ ra đưa cho Đ 1.000.000đ, Q nói với Đ Q bán xe cho Th và Th còn nợ 500.000đ, khi nào Th đưa thì Đ cầm số tiền 500.000đ, còn 3.000.000đ Q giữ lại.

Kết luận định giá tài sản số: 604/KL-HĐĐG ngày 23/9/2019 Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Tam Đảo, kết luận: Giá trị của tài sản (01 chiếc xe mô tô BKS 88E1-205.98) là 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Đối với: Anh Phan Văn Th khi mua không biết nguồn gốc chiếc xe, quá trình điều tra xác minh anh Th vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe mô tô cùng giấy đăng ký xe BKS 88E1-205.98.

Chị Nguyễn Thị Th yêu cầu bồi thường số tiền 10.750.000đ (gồm trị giá xe mô tô BKS 88E1-205.98 là 10.500.000đ và số tiền 250.000đ để trong cốp xe). Q đồng ý bồi thường 5.500.000đ (gồm số tiền 250.000đ Q lấy trong cốp xe và 1/2 trị giá xe là 5.250.000đ). Đ đồng ý bồi thường số tiền 1.000.000đ (số tiền được hưởng lợi).

**Vụ 3:** Khoảng 09 giờ ngày 26/7/2019, Phùng Văn Q mang theo 01 bộ vam phá khóa, điều khiển xe mô tô gắn BKS 88K4-3840, số khung: RLGSC10MHEH04866, số máy: LC150FMG00539253 rủ Phạm Thanh L đến huyện T trộm cắp xe mô tô. Q điều khiển chở L đến thôn B, xã B, phát hiện 01 xe mô tô BKS 88E1-185.88, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn vàng đen bạc của chị Lương Thị H dựng ở ven đường, Q điều khiển xe đến gần và bảo L ngồi trên xe cảnh giới, Q đến dùng vam phá khóa mở ổ khóa điện quay xe điều khiển xe đi, L điều khiển xe gắn BKS 88K4-3840 theo sau. Q và L ra thị trấn H, huyện T, đến đoạn đường vắng người Q dừng xe mở cốp xe thấy có: 01 đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe (đều mang tên Lương Thị H), 03 thẻ bảo hiểm y tế (01 thẻ bảo hiểm y tế của chị H và 02 thẻ bảo hiểm y tế của con chị H), Q cầm đăng ký xe và giấy chứng nhận bảo hiểm xe, các giấy tờ còn lại Q đưa cho L. Chị H phát hiện mất xe nên nhờ anh Nguyễn Đại Ch đang làm việc ở thị trấn H, huyện T ra đứng ở đường xem có đối tượng nào đi xe của chị thì giữ lại. 10 giờ 30 phút, Q điều khiển xe mô tô đi qua thị trấn H, huyện T, anh Ch phát hiện hô

hào người dân giữ lại và báo Công an huyện Tam Dương lập biên sự việc, tạm giữ: 01 xe mô tô BKS 88E1-185.88, 01 bộ vam phá khóa (01 tay công hình chữ T và 02 đầu vam), 01 đăng ký xe mô tô, 01 chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự. Phạm Thanh L điều khiển xe mô tô gắn BKS: 88K4-3840 bỏ chạy, sau đó L gửi xe mô tô tại nhà ông Phạm Văn T, sinh năm 1972 ở thôn Th, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Cơ quan điều tra tạm giữ: Phạm Thanh L số tiền 10.750.000đ, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe (đều mang tên Lương Thị H), 03 bảo hiểm y tế, 01 điện thoại Iphone 6, 01 điện thoại OPPO; Phạm Văn T 01 xe mô tô gắn BKS: 88K4-3840, nhãn hiệu Loncin, tem nhãn Elegant, số khung: RLGSC10MHEH04866, số máy: LC150FMG00539253.

Kết luận định giá tài sản số: 494/KL-HĐĐG ngày 08/8/2019 Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Tam Đảo, kết luận: Giá trị của tài sản (01 xe mô tô BKS 88E1-185.88) là 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 15/8/2019 Cơ quan điều tra trả lại cho chị Lương Thị H 01 xe mô tô BKS 88E1-185.88, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự, 03 thẻ bảo hiểm y tế. Sau khi nhận tài sản, chị H yêu cầu bồi thường tiền sửa chữa xe bị hư hỏng là 650.000đ, Q và L đồng ý.

Đối với:

Phạm Văn T không biết nguồn gốc chiếc xe L, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Chiếc xe mô tô có số khung RLGSC10MHEH04866, số máy LC150FMG00539253 gắn BKS 88K4-3840, Q mua của một người không biết tên, tuổi, địa chỉ; số khung RLGSC10MHEH04866, số máy LC150FMG00539253 không có trong cơ sở dữ liệu; chưa xác minh được chủ sở hữu và biển số đi cùng số khung, số máy; Biển số 88K4-3840 là của xe mô tô nhãn hiệu TIANMA, số khung MY5A001746, số máy FMG02501746, màu sơn nâu đăng ký tên Khổng Thị H, sinh năm 1985, ĐKHKTT: Thôn Th, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, quá trình sử dụng chị H bị mất chiếc xe nhưng không trình báo Công an. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Đảo tiếp tục tạm giữ để điều tra.

Số tiền 10.750.000đ, 01 điện thoại Iphone 6, 01 điện thoại OPPO là tài sản hợp pháp của Phạm Thanh L.

01 bộ vam phá khóa Cơ quan điều tra huyện Tam Dương tạm giữ để điều tra trong vụ án khác.

Ngoài hành vi nêu trên, Phùng Văn Q và Phan Thế Đ bị Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử tại Bản án số: 70/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 về tội Trộm cắp tài sản.

Tại Bản Cáo trạng số: 72/CT-VKSTĐ ngày 04/12/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố Phùng Văn Q, Phan Thế Đ và Phạm Thanh L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173

Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị tuyên bố các bị cáo Phùng Văn Q, Phan Thế Đ và Phạm Thanh L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, phạt:

Phùng Văn Q từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Phan Thế Đ từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, phạt: Phạm Thanh L từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 13/8/2019).

Đề nghị bồi thường và xử lý vật chứng theo quy định

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Đảo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại là chị Lương Thị H nhưng chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm về yêu cầu bồi thường. Xét thấy, sự vắng mặt của chị H không ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với các bị cáo cũng như giải quyết bồi thường thiệt hại, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Phùng Văn Q, Phan Thế Đ và Phạm Thanh L thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, thể hiện như sau: Trong khoảng thời gian từ 23/7/2019 đến ngày 26/7/2019, Phùng Văn Q 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trị giá 25.450.000đ; Phan Thế Đ 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trị giá 12.950.000đ; Phạm Thanh L 01 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trị giá 12.500.000đ. Cụ thể: 15 giờ ngày 23/7/2019 Phùng Văn Q cùng Phan Thế Đ trộm cắp 01 chiếc xe mô tô BKS: 88F7-9248 của anh Trịnh Văn T, trị giá 2.200.000đ; 16 giờ ngày 23/7/2019 Phùng Văn Q cùng Phan Thế Đ trộm cắp của chị Nguyễn Thị Th 01

xe mô tô BKS 88E1-205.98, 01 đăng ký xe và số tiền 250.000đ (tổng trị giá 10.750.000đ); ngày 26/7/2019 Phùng Văn Q cùng Phạm Thanh L trộm cắp của chị Lương Thị H 01 xe mô tô BKS 88E1-185.88, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự, 03 thẻ bảo hiểm y tế, trị giá 12.500.000đ.

[4]. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự "1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng…., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..". Do đó, Bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5]. Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bản thân các bị cáo tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe nhưng không chịu khó lao động rèn luyện tu dưỡng bản thân mà lao vào con đường phạm tội, Phùng Văn Q và Phan Thế Đ đã bị xét xử tại Bản án số: 70/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc về tội Trộm cắp tài sản, Phạm Thanh L có nhân thân xấu nhiều lần bị Tòa án đưa ra xét xử về tội Trộm cắp tài sản. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi, vai trò của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. (Đối với hình phạt của Phùng Văn Q và Phan Thế Đ tại Bản án số: 70/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, do bản án chưa có hiệu lực pháp luật nên không tổng hợp hình phạt trong bản án này).

[6]. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Phùng Văn Q và Phan Thế Đ phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8]. Về áp dụng hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9]. Về dân sự:

Anh Trịnh Văn T yêu cầu Phùng Văn Q và Phan Thế Đ bồi thường số tiền 2.200.000đ (xe mô tô BKS 88F7-9248); chị Nguyễn Thị Th yêu cầu Phùng Văn Q và Phan Thế Đ bồi thường số tiền 10.750.000đ (xe mô tô BKS 88E1-205.98 là 10.500.000đ và 250.000đ); chị Lương Thị H yêu cầu Phùng Văn Q và Phạm Thanh L bồi thường tiền sửa chữa xe là 650.000đ.

Tại phiên tòa Phùng Văn Q và Phạm Thanh L đồng ý với mức bồi thường các bị hại yêu cầu, cụ thể: Phùng Văn Q bồi thường tổng số tiền là 6.925.000đ (anh Trịnh Văn T số tiền 1.100.000đ, chị Nguyễn Thị Th số tiền 5.250.000đ và 250.000đ lấy trong cốp xe, chị Lương Thị H số tiền 325.000đ); Phan Thế Đ bồi thường tổng số tiền là 6.350.000đ (anh Trịnh Văn T số tiền 1.100.000đ, chị Nguyễn Thị Th số tiền 5.250.000đ); Phạm Thanh L bồi thường cho chị Lương Thị H số tiền 325.000đ.

Xét thấy, yêu cầu về bồi thường của các bị hại là có căn cứ, tại phiên tòa các bị cáo cũng đồng ý theo mức bồi thường các bị hại đưa ra nên cần được chấp nhận.

[10]. Về vật chứng

Xác nhận ngày 15/8/2019 Cơ quan điều tra trả lại cho chị Lương Thị H 01 xe mô tô BKS 88E1-185.88, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự, 03 thẻ bảo hiểm y tế.

Đối với chiếc xe mô tô có số khung RLGSC10MHEH04866, số máy LC150FMG00539253 gắn BKS 88K4-3840 cần tiếp tục tạm giữ để điều tra.

Trả lại cho Phạm Thanh L số tiền 10.750.000đ, 01 điện thoại Iphone 6, 01 điện thoại OPPO nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[11]. Về án phí: Các bị cáo Phùng Văn Q, Phan Thế Đ và Phạm Thanh L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. Tuyên bố: Các bị cáo Phùng Văn Q, Phan Thế Đ và Phạm Thanh L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Phùng Văn Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Phan Thế Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt: Phùng Thanh L 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 13/8/2019).

**2**. Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc:

Phùng Văn Q bồi thường cho: Anh Trịnh Văn T số tiền 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Th số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng), chị Lương Thị H số tiền 325.000đ (Ba trăm hai năm nghìn đồng). Tổng là 6.925.000đ (Sáu triệu chín trăm hai năm nghìn đồng).

Phan Thế Đ bồi thường cho: Anh Trịnh Văn T số tiền 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Th số tiền 5.250.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng là 6.350.000đ (Sáu triệu ba trăm năm

mươi nghìn đồng).

Phạm Thanh L bồi thường cho chị Lương Thị H số tiền 325.000đ (Ba trăm hai năm nghìn đồng).

**3**. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho Phạm Thanh L số tiền 10.750.000đ (Mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), 01 điện thoại Iphone 6, 01 điện thoại OPPO nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. (Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/12/2019).

**4**. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Buộc các bị cáo Phùng Văn Q, Phan Thế Đ và Phạm Thanh L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sơ thẩm.

Bị cáo Phùng Văn Q phải nộp 346.250đ (Ba trăm bốn sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng), Phan Thế Đ phải nộp 317.500đ (Ba trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng) và Phạm Thanh L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

**5**. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**6.** Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Trại TGCA tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Công an huyện Tam Đảo;
- Các Bị cáo, ĐS;
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu**